

Bản án số: 99/2025/HSST
Ngày 10 tháng 4 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Mỹ

Ông Nguyễn Văn Vui

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Khang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2025/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Dương Văn N; sinh năm 1977; Giới tính: N; Nơi sinh: Thành phố H; Nơi ĐKKHKT: T54/2 Y, phường O, quận BT, Thành phố H; Chỗ ở: Như trên; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Chạy xe ôm; Họ tên cha: Đinh Văn Ng, sinh năm 1946; Họ tên mẹ: Dương Thị L, sinh năm 1954; Anh, chị em: Có 8 anh chị em, bị cáo là người thứ 4 trong gia đình; Vợ: Phan Nguyễn Thu Th, sinh năm 1985; Có 02 người con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012;

Tiền án: Ngày 14/12/2022 Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án. Theo bản án số 179/2022/HSST ngày 14/12/2022; Tiền sự: Không có; Biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Những người tham gia tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Dương Hoàng L
2. Bà Vũ Thị Kim T

Cùng cư trú: 317/21 B, phường O, quận BT, Thành phố H.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 40 ngày 30/06/2024, Vũ Thị Kim T (Sinh năm 1977) đang ở nhà tại số 317/12 B, phường O, quận BT thì Dương Văn N (sinh năm 1977) cùng với 02 người bạn nhậu (chưa rõ lai lịch) đến tìm chồng của T là Dương Hoàng L để đòi nợ. T nói L không có ở nhà và không biết L ở đâu thì hai bên xảy ra cự cãi, một lúc sau thì nhóm người của N bỏ đi. Đến ngày 02/07/2024, bà T quyết định đến Công an phường 1, quận Bình Thạnh tố giác Dương Văn N có hành vi cho vay lãi nặng. Công an phường 1, quận Bình Thạnh đưa Dương Văn N về trụ sở và lập hồ sơ chuyển Cơ quan điều tra thụ lý.

Kết quả điều tra xác minh, Cơ quan CSĐT Công an quận Bình Thạnh xác định:

Dương Hoàng L (sinh năm 1970, ngụ tại 317/12 Bùi Hữu Nghĩa, phường 1, quận Bình Thạnh) quen biết Dương Văn N từ trước do nhà ở gần nhau, do cần tiền trang trải cuộc sống nên đầu tháng 9/2024, L tìm đến N để vay tiền. Hình thức vay: thỏa thuận miệng, không có giấy vay tiền, không cần thế chấp tài sản. L đã vay tiền nhiều lần như sau:

Lần 1: Ngày 01/09/2023, L gặp Dương Văn N để vay tiền. L được N cho vay 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 40 ngày, mỗi ngày góp 300.000 đồng, thực nhận đủ 10.000.000 đồng. Tính đến ngày 25/09/2023, L góp được 25 ngày với số tiền 7.500.000 đồng thì L không còn khả năng góp tiếp, còn nợ gốc lẫn lãi là 4.500.000 đồng.

Lần 2: Ngày 26/09/2023, L gặp N vay góp tiếp N 15.000.000 đồng, trả góp trong vòng 60 ngày, mỗi ngày góp 400.000 đồng, N căn trừ 4.500.000 đồng tiền gốc còn nợ để L tắt toán khoản vay lần 1 nên L còn thực nhận số tiền 10.500.000 đồng. Tính đến ngày 20/10/2023, L góp được 25 ngày với số tiền 10.000.000 đồng thì L không còn khả năng góp tiền, còn nợ gốc lẫn lãi là 14.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 21/10/2023, L gặp N vay tiền đúng 20.000.000 đồng, đóng lãi 1.000.000 đồng/tuần (tương đương 143.000 đồng/ngày). N căn trừ 14.000.000 đồng tiền gốc còn nợ để L tắt toán khoản vay lần 2 thì L còn thực nhận 6.000.000 đồng. Tính đến ngày 01/12/2023, L đã đóng lãi được 41 ngày với số tiền 5.863.000 đồng, khoản vay này L chưa tắt toán tiền gốc 20.000.000 đồng.

Lần 4: Khoảng cuối tháng 10/2023, L gặp N vay tiếp tiền đúng 20.000.000 đồng nói là vay cho vợ tên T để làm ăn thì N đồng ý. Tuy nhiên, sau đó L không có

khả năng đóng lãi đứng nên cả L và T đến gặp N thỏa thuận là T sẽ chi tiền đóng lãi đứng 200.000đ/ngày cho L khoản vay này từ ngày 01/11/2023 thì N đồng ý. Tính đến ngày 30/04/2024, L đã đóng lãi được 182 ngày với số tiền 36.400.000 đồng. Đến ngày 01/05/2024, T trực tiếp thỏa thuận xin N không đóng lãi, vào ngày mùng 10 mỗi tháng T sẽ góp 5.000.000 đồng tiền gốc thì N đồng ý và T trực tiếp trả góp tiền gốc cho N. Tính đến ngày 10/06/2024, T đã góp được 10.000.000 đồng tiền gốc cho N, còn lại tiền gốc 10.000.000 đồng thì L chưa tất toán.

Như vậy, L đã vay góp với lãi suất từ 20% - 60% trong vòng 30 ngày và 60 ngày, tương đương từ 0,5% - 1%/1 ngày, lãi suất tháng từ 15% - 30%/1 tháng, lãi suất năm từ 180% - 360%/01 năm. Còn vay tiền đứng với lãi suất 0,71% - 1%/1 ngày, lãi suất tháng là 21,3%-30%/01 tháng, lãi suất năm là 255,6% - 360%/01 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Theo cách tính như trên, đối với khoản vay góp lần 1, tính đến thời điểm kiểm tra thì khoản vay góp này L đã tất toán, L vay góp số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn 40 ngày thì L chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 5.600 đồng/01 ngày, số tiền lãi đóng 40 ngày là 5.600 đồng x 40 = 224.000 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của N từ việc cho L vay góp là 2.000.000 đồng – 224.000 đồng = 1.776.000 đồng.

Đối với khoản vay góp lần 2, tính đến thời điểm kiểm tra thì khoản vay này L đã tất toán, L vay góp số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn 60 ngày thì L chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 8.400 đồng/01 ngày, số tiền lãi đóng 60 ngày là 8.400 đồng x 60 = 504.000 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của N từ việc cho L vay góp là 9.000.000 đồng – 504.000 đồng = 8.496.000 đồng.

Đối với số tiền vay đứng 20.000.000 đồng, tiền lãi đóng 143.000/01 ngày thì L chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 11.200 đồng, số tiền lãi đã đóng 41 ngày là 11.200 đồng x 41 ngày = 459.200 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của N từ việc cho L vay khoản tiền đứng trên là 5.863.000 đồng – 459.200 đồng = 5.403.800 đồng.

Đối với số tiền vay đứng 20.000.000 đồng, tiền lãi đóng 200.000đ/01 ngày thì L chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 11.200 đồng, số tiền lãi đã đóng 182 ngày là 11.200

đồng x 182 ngày = 2.038.400 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của N từ việc cho L vay khoản tiền đứng trên là 36.400.000 đồng – 2.038.400 đồng = 34.361.600 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà N thu lợi bất chính từ việc cho L vay góp và vay đứng là 50.037.400 đồng.

CQĐT đã lập bảng thống kê các khoản vay tiền giữa L và N và cả hai đã xác nhận tổng số tiền N thu lợi bất chính từ việc cho L vay là 50.037.400 đồng.

Kết quả nhận dạng ảnh: L xác nhận được đúng ảnh của N là người cho L vay lãi nặng từ tháng 09/2023 đến nay.

Kết quả khám xét chỗ ở của N: Không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan hoạt động cho vay lãi nặng.

Kết quả đối chất: L và N thống nhất xác định 04 lần N cho L tiền lãi nặng từ tháng 09/2023 đến nay như đã nêu trên.

Kết quả điều tra, xác định: Dương Văn N cho Dương Hoàng L vay với lãi suất từ 180%/năm đến 360%/năm. Như vậy, N cho vay lãi suất cao gấp 9 đến 18 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, quá trình điều tra xác minh, được biết Võ Văn Th (sinh năm 1967, ngụ tại 42/345A H, phường R, quận BT), Lê Ngọc Đ (sinh năm 1956, ngụ tại 297/10L B, phường TF, quận BT) và Huỳnh Minh G (sinh năm 1962, ngụ tại 76/58 BĐ, phường TF, quận BT) có vay mượn tiền của N, tuy nhiên qua làm việc, Th, Đ và G khai nhận chỉ mượn tiền từ N mỗi người 3.000.000 đồng và góp tiền gốc 100.000 đồng/tuần cho đến hết chứ N không có lấy tiền lãi.

Đối với Vũ Thị Kim T khai nhận: Ngày 30/06/2024, nhóm người của N chỉ tới tìm L để đòi nợ, T nói không biết L đang ở đâu, N cho rằng T đang che giấu cho L nên đã lớn tiếng và hai bên cự cãi qua lại. Sau khi không tìm được L nên nhóm của N bỏ đi, nhóm của N không có hành động đe dọa hay xúc phạm gì T để đòi nợ.

+ Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu tím của Dương Văn N

+ Trách nhiệm dân sự: Không có

Tại bản Cáo trạng số: 38/CT-VKSBTh ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đã truy tố bị cáo Dương Văn N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Dương Văn N đã khai nhận quá trình điều tra tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh, bị cáo hoàn toàn tự nguyện khai báo, không ai ép buộc bị cáo khai không đúng với ý chí của bị cáo. Bị cáo Dương Văn N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và

các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đồng thời các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đã truy tố. Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt khi được nói lời nói sau cùng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Dương Hoàng L và bà Vũ Thị Kim T có mặt tại phiên tòa, đề nghị bị cáo trả lại cho bà toàn bộ số tiền thu lợi bất chính theo đúng quy định của pháp luật, ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh thực hành quyền công tố trình bày quan điểm của Viện kiểm sát đối với vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất hành vi phạm tội và hậu quả của vụ án đối với xã hội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Dương Văn N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50; Điều 35; Điều 56; khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Phạt tiền bị cáo Dương Văn N từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Tổng hợp hình phạt với bản án hình sự sơ thẩm số: 79/2022/HSST ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của nhiều bản án 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Bình Thạnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Dương Văn N khai nhận đã thực hiện các hành vi như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo khai nhận quá trình điều tra tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh, bị cáo hoàn toàn tự nguyện khai báo, không bị ép buộc

khai không đúng với ý chí của bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, biên bản hỏi cung bị can, biên bản đối chất, biên bản thu giữ vật chứng, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2023 đến thời điểm bị bắt, bị cáo Dương Văn N đã có hành vi cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Hoàng L và chị Vũ Thị Kim T 04 lần vay tiền. Bị cáo Dương Văn N là người trực tiếp đưa tiền cho người vay và trực tiếp đi thu tiền. Dương Văn N cho anh Dương Hoàng L và chị Vũ Thị Kim T vay tiền bằng hai hình thức vay góp và vay đứng. Lãi suất vay trả góp từ 20% đến 60% trong vòng 30 ngày và 06 ngày tương đương 0.5% đến 1%/ngày, từ 15 đến 30%/tháng và từ 180% đến 360%/năm. Lãi suất vay đứng từ 0,71% đến 1%/ngày, từ 21,3 đến 30%/tháng và từ 255,6% đến 360%/năm. Như vậy, Dương Văn N đã cho người vay là anh Dương Hoàng L và chị Vũ Thị Kim T vay từ 180% đến 360%/năm, gấp từ 09 đến 18 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

Quá trình bị cáo Dương Văn N cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Hoàng L và chị Vũ Thị Kim T 04 lần vay góp và vay đứng tổng số tiền vay là 65.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Dương Văn N đã thu là 50.037.400 đồng. Trong đó các lần cho vay đều thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng. Hành vi của Dương Văn N đã cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo Dương Văn N là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó Hội đồng xét xử cần xem xét xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mới đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo Dương Văn N:

Bị cáo Dương Văn N có một tiền án về tội “Đánh bạc” cụ thể: Ngày 14/12/2022 Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án. Theo bản án số 179/2022/HSST ngày 14/12/2022. Bị cáo đang chấp hành bản án treo và còn trong thời gian thử thách, tính đến ngày phạm tội mới bị cáo chưa được xóa án tích, do đó lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không lấy đó làm bài học để ăn năn hối cải, nay lại tiếp tục phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội

của bị cáo, nhân thân của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Tại bản án hình sự số: 179/2022/HSST ngày 14/12/2022, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Dương Văn N 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án ngày 14/12/2022. Đến ngày 01/9/2023 bị cáo Dương Văn N tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới, đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy, trong thời gian thử thách án treo bị cáo tiếp tục phạm tội mới, căn cứ khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 09 (chín) tháng tù của bản án cho hưởng án treo, đồng thời áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 để tổng hợp hình phạt của bản án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Dương Văn N có thái độ thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[8] Về quyết định hình phạt:

Bị cáo Dương Văn N phạm tội nhưng không thuộc trường hợp trong hoạt động cho vay bị cáo không đe dọa, uy hiếp tinh thần của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không thuộc trường hợp có tổ chức và băng nhóm, không có tính chất chuyên nghiệp, trên cơ sở xem xét toàn diện nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Thấy rằng, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, động cơ, mục đích phạm tội là vụ lợi.

[9] Căn cứ vào nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính và phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự. Do đó, để đảm bảo tuân thủ nguyên tắc và nhằm thu hồi các khoản tiền vi phạm cho Ngân sách Nhà nước, Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính với bị cáo Dương Văn N là đúng theo quy định của pháp luật.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Tuy nhiên hiện bị cáo làm nghề xe ôm công nghệ, thu nhập trung bình và không ổn

định, nhằm tạo điều kiện cho bị cáo có điều kiện đóng phạt tiền là hình phạt chính, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền với bị cáo.

[11] Biện pháp tư pháp:

[12] Theo Điều 5 xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xử lý như sau:

Đối với số tiền gốc bị cáo đã nhận lại từ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được xác định đây là phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước. Do đó, khoản tiền gốc đã được người liên quan trả cho bị cáo, thì bị cáo phải có trách nhiệm nộp vào ngân sách. Khoản tiền gốc nào người liên quan chưa trả cho bị cáo thì cần buộc người liên quan đó phải có trách nhiệm nộp vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

[13] Đối với khoản tiền gốc bị cáo Dương Văn N cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Hoàng L và bà Vũ Thị Kim T vay 04 đợt (đợt 1 ngày 01/9/2023; đợt 2 ngày 26/9/2023; đợt 3 ngày 21/10/2023; đợt 4 tháng 10/2023) tổng cộng số tiền gốc là 45.000.000 đồng. Ông Dương Hoàng L và bà Vũ Thị Kim T chưa trả số tiền gốc cho Dương Văn N 30.000.000 đồng. Do đó ông Dương Hoàng L và bà Vũ Thị Kim T có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc 30.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

[14] Đối với khoản tiền gốc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Hoàng L và bà Vũ Thị Kim T đã trả lại cho bị cáo Dương Văn N của tổng cộng là 25.000.000 đồng. Do đó bị cáo Dương Văn N có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc 25.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

[15] Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội thực tế thu của người vay tiền, xác định những người vay tiền đều vay tiền với mục đích hợp pháp. Do đó, cần buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại khoản tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đối với khoản tiền lãi bị cáo đã thu trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) thì cần buộc bị cáo nộp để sung công quỹ Nhà nước, vì đây là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội. Cụ thể được xử lý như sau:

1. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội là bị cáo Dương Văn N thực tế thu của người vay tiền ông Dương Hoàng L và bà Vũ Thị Kim T là 50.037.400 đồng. Nên buộc bị cáo Dương Văn N có trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Hoàng L và bà Vũ Thị Kim T số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 50.037.400 đồng (Năm mươi triệu không trăm ma bảy ngàn bốn trăm đồng).

2. Đối với khoản tiền lãi bị cáo Dương Văn N đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Hoàng L và bà Vũ Thị Kim T trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) tổng cộng của 4 đợt là 3.225.600 đồng. Do đó buộc bị cáo Dương Văn N phải nộp lại số tiền 3.225.600 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

[16] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu tím của Dương Văn N, bị cáo sử dụng điện thoại này làm phương tiện liên hệ trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Hoàng L và bà Vũ Thị Kim T. Là vật chứng của vụ án, do đó Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[17] Về trách nhiệm dân sự: Không có

[18] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 56; khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Phạt tiền bị cáo Dương Văn N 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” để sung công quỹ Nhà nước.

Tổng hợp hình phạt với bản án hình sự số 179/2022/HSST ngày 14/12/2022, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Dương Văn N 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án ngày 14/12/2022.

Buộc bị cáo Dương Văn N phải chấp hành hình phạt chung nhiều bản án là 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Buộc bị cáo Dương Văn N nộp phạt số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

(Bị cáo Dương Văn N được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2022 đến ngày 09/6/2022 tại bản án hình sự số 179/2022/HSST ngày 14/12/2022, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng

3. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

3.1. Buộc bị cáo Dương Văn N nộp lại khoản tiền gốc đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để sung công quỹ Nhà nước số tiền là 25.000.000 đồng

3.1. Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Hoàng L và bà Vũ Thị Kim T nộp lại khoản tiền gốc của các khoản cho vay chưa trả cho bị cáo tổng số tiền là 30.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

3.3. Buộc bị cáo Dương Văn N trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Hoàng L và bà Vũ Thị Kim T toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 50.037.400 đồng (Năm mươi triệu không trăm ba bảy ngàn bốn trăm đồng).

3.2. Buộc bị cáo Dương Văn N nộp lại số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự (20%/năm) số tiền là 3.225.600 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả lãi, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

+ Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu tím

(Theo biên bản giao nhận vật chứng lúc 10 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Căn cứ các Điều 135; 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4.1. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh
- VKSND, CA quận Bình Thạnh;
- Chi cục THA Dân sự Q.BT;
- THA HS;
- PC.27 Công an Tp.HCM;
- Phòng hồ sơ CA TP.Hồ Chí Minh PV 06;
Phòng PC 10;
- Trại giam;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thúc